

Bản án số: 25/2018/DS-ST

Ngày: 31-10-2018

*V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản*

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN ĐỀ - TỈNH SÓC TRĂNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Chiêm Ngọc Linh

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1/ Ông Hà Hùng Kiệt.

2/ Ông Nguyễn Văn Hòa.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lý Thị Qual – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Kiến Thức - Kiểm sát viên.

Trong ngày 31/10/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 95/2018/TLST-DS ngày 19/9/2018 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2018/QĐXXST-DS ngày 12/10/2018 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Bà Lý Thị S, sinh năm 1985 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp C, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Sóc Trăng.

**- Bị đơn:** Bà Phan Thị Kiều T, sinh năm 1968 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp P, xã L, huyện Đ, tỉnh Sóc Trăng.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

– Theo đơn khởi kiện lập ngày 10/9/2018 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Lý Thị S trình bày: Vào ngày 06/10/2014 bà Phan Thị Kiều T có vay của bà 17.000.000 đồng, không tính lãi, có ký giấy mượn tiền, bà T hứa đến ngày 15/3/2015 sẽ trả hết số tiền nợ. Đến hạn trả nợ vào ngày 15/3/2015, bà có đến lấy tiền thì bà T chỉ trả được 3.000.000 đồng. Đến ngày 24/12/2016 bà S tiếp tục đòi thì bà T trả được 4.000.000 đồng, sau đó đến ngày 06/4/2017 bà T trả được 500.000 đồng. Tổng cộng 03 lần bà T trả được 7.500.000 đồng, còn lại 9.500.000 đồng thì không trả nữa. Đã nhiều lần bà S đến đòi tiền thì bà T và chồng bà T là ông Huỳnh Văn S chửi bới, hăm dọa.

Nay bà S yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Phan Thị Kiều T trả cho bà số tiền đã vay còn lại là 9.500.000 đồng, bà S không yêu cầu tính lãi.

**- Bị đơn bà Phan Thị Kiều T trình bày:** Bà T thừa nhận có nợ bà S 17.000.000 đồng, nhưng là vào năm 2010, bà vay tiền của bà T 2.000.000 đồng, lãi suất là 20.000 đồng/01 ngày, sau đó cộng dồn tiền vốn và lãi là 17.000.000 đồng, chữ ký người mượn trong giấy mượn tiền ngày 06/10/2014 là chữ ký của bà. Bà đã trả cho bà S được 7.500.000 đồng đúng như bà S trình bày, còn nợ bà S 9.500.000 đồng, bà T đồng ý trả, nhưng hiện gia đình bà đang gặp khó khăn không có khả năng trả nợ, nên bà yêu cầu trả dần, khi nào có bà sẽ trả. Tại phiên tòa, bà T cũng thừa nhận còn nợ bà S 9.500.000

đồng, nhưng từ khi bà ký giấy mượn tiền 17.000.000 đồng thì mỗi ngày bà đã đóng lãi 170.000 đồng, đến nay tiền lãi đã vượt số vốn và bà S đã đánh bà, nên bà không đồng ý trả số tiền trên cho bà S.

Tại phiên tòa, Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề xác định: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự. Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến tại phiên tòa hôm nay, đương sự chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Lý Thị S về việc yêu cầu bà Phan Thị Kiều T trả cho bà S với số tiền 9.500.000 đồng, vì vào ngày 06/10/2014 bà S có cho bà T vay 17.000.000 đồng, không tính lãi, thời hạn vay đến ngày 15/3/2015, bà T có ký tên vào giấy mượn tiền. Đến hạn trả nợ là ngày 15/3/2015, bà có đến đòi tiền thì bà T chỉ trả được 3.000.000 đồng. Đến ngày 24/12/2016 bà S tiếp tục đòi thì bà T trả được 4.000.000 đồng, sau đó đến ngày 06/4/2017 bà T trả được 500.000 đồng, tổng cộng 03 lần bà T trả được 7.500.000 đồng, hiện còn nợ lại 9.500.000 đồng, bà S không yêu cầu bà T trả lãi. Xét thấy, khi xác lập hợp đồng vay, giữa bà S và bà T có làm giấy tờ và bà T cũng thừa nhận bà có ký tên vào giấy mượn tiền nêu trên, các bên tham gia giao dịch đủ năng lực hành vi, mục đích và nội dung của hợp đồng không trái quy định của pháp luật nên hợp đồng vay nêu trên là hợp pháp theo quy định tại các Điều 471, Điều 474, Điều 476 của Bộ luật Dân sự năm 2005. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà T thừa nhận có nợ của bà S 17.000.000 đồng, đã trả được 7.500.000 đồng, hiện còn nợ lại 9.500.000 đồng. Căn cứ vào lời thừa nhận của bà T, là tình tiết sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định bà T có vay tiền của bà S 17.000.000 đồng vào ngày 06/10/2014, đã trả được 7.500.000 đồng, hiện còn nợ lại 9.500.000 đồng.

[2] Tại Biên bản lấy lời khai ngày 11/10/2018 bà T trình bày, số tiền này là cộng dồn của số nợ vay vào năm 2010 là 2.000.000 đồng, lãi suất 20.000 đồng/ngày, cộng dồn đến ngày 06/10/2014 là 17.000.000 đồng, đã trả được 7.500.000 đồng, còn nợ lại 9.500.000 đồng, nhưng gia đình bà đang gặp khó khăn, xin được trả dần cho bà S, khi nào có tiền thì trả (bút lục 33). Tại phiên tòa bà T cũng thừa nhận vào ngày 06/10/2014 có ký giấy mượn tiền 17.000.000 đồng, đã trả vốn gốc cho bà S 03 lần tổng cộng 7.500.000 đồng, còn nợ của bà S 9.500.000 đồng, bà đã đóng lãi cho bà T mỗi ngày 170.000 đồng, đến nay tiền lãi bà đóng đã vượt số vốn gốc và bà S cũng đã đánh bà, nên bà không đồng ý trả số tiền 9.500.000 đồng, nhưng bà S không thừa nhận và bà T cũng không có chứng cứ gì để chứng minh lời trình bày của bà là đúng sự thật, nên không có căn cứ Hội đồng xét xử xem xét.

[3] Từ những căn cứ nêu trên, xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị đơn bà Thu phải chịu  $9.500.000 \text{ đồng} \times 5\% = 475.000 \text{ đồng}$ . Nguyên đơn bà Sang không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 2 Điều 92, Điều 271, khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 427, Điều 471, Điều 474, Điều 476 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lý Thị S.

Buộc bà Phan Thị Kiều T trả cho bà Lý Thị Sang số tiền nợ vay 9.500.000 đồng (Chín triệu năm trăm nghìn đồng).

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày bà Lý Thị S có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng bà Phan Thị Kiều T còn phải trả lãi cho bà Lý Thị S theo mức lãi suất 10%/năm, đối với số tiền chậm thi hành án.

2/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Phan Thị Kiều T phải chịu 475.000 đồng (Bốn trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm.

Nguyên đơn bà Lý Thị S không phải chịu án phí, được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí bà S đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002830 ngày 19/9/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng.

3/ Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

#### **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh ST (Phòng KTNV &THA)
- Đương sự;
- VKSND huyện Đ;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**  
(Đã ký)

**Chiêm Ngọc Linh**